

Bản án số: 153/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2025.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 951/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 800/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, Thành phố H. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp Y, xã P, huyện C, Thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị Ch trình bày như sau:

Bà và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 08 ngày 04/11/1992. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 1996, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, cuộc sống luôn bất hòa. Ông H không chung thủy với bà. Sau đó, ông H

bỏ ra ở riêng, hai vợ chồng từ đó không còn liên lạc với nhau nữa và đã sống ly thân từ năm 1996 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H không có.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 15 tháng 7 năm 2024, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh H có nơi cư trú tại Ấp Y, xã P, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ch:

Bà Ch và ông H có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 1992, cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyền số 08 cấp ngày 04/11/1992, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà Ch trình bày, năm 1996, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, cuộc sống luôn bất hòa. Ông H không chung thủy với bà. Sau đó, ông H bỏ ra ở riêng, hai vợ chồng từ đó không còn liên lạc nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1996 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông H vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông H không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn tình

cảm vợ chồng. Đồng thời, bà Ch xác định bà và ông H đã sống ly thân từ năm 1996. Xét thấy, bà Ch và ông H không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà Ch và ông H không có con chung.

[4]. Về tài sản chung: Bà Ch xác định không có. Về nợ chung: Bà Ch xác định không có. Bà Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Bà Ch có đơn xin miễn, giảm án phí do bà Ch là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Ch được miễn nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Bà Ch và ông H không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch xác định không có. Do ông H vắng mặt, nếu ông H có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ch có đơn xin miễn, giảm án phí do bà Ch là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Ch được miễn nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Túy Phượng